TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **88** /2020/DS-ST
Ngày 25 /9/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Thu Thuỷ**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Hiên**
2. Ông **Vương Minh Tân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Minh Ngọc** - Thư ký TAND thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà **Hoàng Thị Hải Vân** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2020/TLST- DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXX-ST ngày 23 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị **Đỗ Thị Minh T**, sinh năm 1972;
Địa chỉ: Tổ 1, phường A, thành phố T, tỉnh T.
Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Bị đơn:*** Chị **Chu Thị T**, sinh năm 1978;
Địa chỉ: Số nhà 2, tổ 11, phường T, thành phố T, tỉnh T.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn - bà Đỗ Thị Minh T trình bày: Vào năm 2010, bà có quen biết với bố mẹ đẻ chị Chu Thị T, sinh năm 1978, lúc đó chị Chu Thị T đang ở cùng với bố mẹ đẻ ở thôn H, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Dựa trên mối quan hệ này thì bà có quen biết chị T nên ngày 10/10/2017 bà có cho chị Chu Thị T (khi đó đã lấy chồng và chuyển về sinh sống ở số nhà 2, tổ 11, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên

Quang) vay số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), thời hạn vay là 1 tháng, lãi suất thoả thuận. Khi vay chị Chu Thị T là người viết giấy và ký giấy vay tiền. Đến hạn trả nợ chị Chu Thị T không trả tiền cho bà như đã hẹn mặc dù bà đã đòi rất nhiều lần bằng hình thức đến nhà gặp trực tiếp và liên lạc qua điện thoại. Thực tế chị T mới chỉ trả được cho bà một phần tiền lãi nhưng đến tháng 9 năm 2018 thì dừng không trả nữa. Thời gian gần đây, bà gọi điện cho chị Chu Thị T để đòi nợ thì chị T không nghe máy, bà đến nhà thì được người nhà cho biết chị Chu Thị T đi đâu không rõ. Vì vậy, bà khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết buộc chị Chu Thị T phải trả cho bà số tiền gốc đã vay là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi quá hạn theo quy định pháp luật từ tháng 9 năm 2018 tạm tính đến tháng 5 năm 2020 là 24 tháng x 60.000.000đ x 0.75% = 9.000.000đ (Chín triệu đồng), tổng cộng cả gốc và lãi là 69.000.000đ (Sáu mươi chín triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã nhiều lần gửi các văn bản tố tụng, triệu tập (bằng hình thức gửi bảo đảm qua đường bưu điện hoặc niêm yết theo quy định) chị Chu Thị T đến Tòa án làm việc nhưng chị Chu Thị T đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã xác minh tại địa phương thể hiện chị T thường xuyên không có mặt ở nhà. Vì vậy, Tòa án không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Tòa án đã tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Đỗ Thị Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị chị Chu Thị T trả cho bà số tiền gốc đã vay là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật của Ngân hàng nhà nước là 0.75%/tháng tính từ tháng 9 năm 2018 đến khi xét xử sơ thẩm.

Chị Chu Thị T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Minh T về việc yêu cầu chị Chu Thị T trả cho bà số tiền gốc 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và lãi suất 0,75%/tháng bằng mức lãi cơ bản theo quy định của Ngân hàng nhà nước tương ứng với thời gian chậm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ (gửi bảo đảm qua đường bưu điện, tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định) các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Tại phiên toà, bà Đỗ Thị Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Chu Thị T đã được Tòa án triệu tập phiên toà hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và yêu cầu khởi kiện:

Ngày 10/10/2017, chị Chu Thị T vay số tiền 60.000.000 đồng của bà Đỗ Thị Minh T không ghi thoả thuận về lãi suất, thời hạn vay là 1 tháng (tức hạn trả là ngày 10/11/2017), chị Chu Thị T là người viết và ký giấy vay tiền. Đến hạn trả nợ chị Chu Thị T không trả tiền cho bà Đỗ Thị Minh T mặc dù theo bà Đỗ Thị Minh T khai bà đã đòi rất nhiều lần và chị Chu Thị T mới trả được cho bà được một phần tiền lãi nhưng từ tháng 9 năm 2018 không trả nữa. Ngày 12/3/2020, bà Đỗ Thị Minh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Chu Thị T hoàn trả cho bà số tiền gốc đã vay là 60.000.000 đồng và lãi suất 0,75%/tháng bằng với mức lãi suất cơ bản theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 (quy định về Thời hiệu khởi kiện Hợp đồng dân sự) thì yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Minh T là đúng quy định pháp luật. Như vậy, quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thấy rằng: Kèm theo đơn khởi kiện, bà Đỗ Thị Minh T giao nộp cho Toà án 01 bản chính giấy vay tiền, số tiền vay là 60.000.000 đồng, ghi ngày 10/10/2017, tên người vay Chu Thị T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho chị Chu Thị T nhưng chị Chu Thị T không tham gia tố tụng cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Minh T. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, bà Đỗ Thị Minh T đã đề nghị Toà án thu thập chứng cứ là chữ viết, chữ ký của chị Chu Thị T tại Phòng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an tỉnh Tuyên Quang và đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ viết trong giấy vay tiền ngày 10/10/2017 của chị Chu Thị T. Tại Kết luận giám định số 623/GĐ-KTHS ngày 17/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận:

- Chữ viết và chữ ký ghi tên Chu Thị T trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 (Giấy vay tiền ngày 10/10/2017) với chữ viết, chữ ký ghi tên Chu Thị T trên mẫu so sánh ký hiệu M1 (Tờ khai chứng minh nhân dân số 577867 ngày 6/12/2013) (trừ chữ viết ở mục: 18. Dấu vết riêng và dị hình) là do cùng 1 người viết và ký.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Minh T về việc yêu cầu chị Chu Thị T phải trả cho chị số tiền gốc là 60.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu chị Chu Thị T phải trả tiền lãi quá hạn của bà Đỗ Thị Minh T: Do chị Chu Thị T vi phạm nghĩa vụ, chậm trả tiền cho bà Đỗ Thị Minh T nên chị Chu Thị T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Do có tranh chấp về lãi suất, vì vậy lãi suất 0,75%/tháng (= 9%/năm) theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Bà Đỗ Thị Minh T yêu cầu tính lãi từ tháng 9 năm 2018 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm là 01 năm 11 tháng 25 ngày. Vì vậy, tiền lãi được tính cụ thể như sau:

- 60.000.000đồng x 9% x 01 năm = 5.400.000đồng.

- 9%/năm (= 0,75%/tháng) x 60.000.000đồng = 450.000đồng/tháng = 15.000đồng/ngày. Như vậy, tiền lãi của 11 tháng = 4.950.000đồng và của 25 ngày = 375.000đồng.

Cộng cả tiền gốc và tiền lãi là (60.000.000đồng + 5.400.000đồng + 4.950.000đồng + 375.000đồng) = 70.725.000đồng (*Bẩy mươi triệu bẩy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

[3] Về chi phí tố tụng: Bà Đỗ Thị Minh T đã nộp tạm ứng chi phí giám định chữ viết, chữ ký là 3.660.000 đồng, bà Đỗ Thị Minh T yêu cầu chị Chu Thị T phải hoàn trả lại cho bà số tiền này. Căn cứ vào Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc chị Chu Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Đỗ Thị Minh T số tiền 3.660.000 đồng tiền chi phí giám định.

[4] Về án phí: Chị Chu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng:

- Các Điều 26, 147, 161, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Minh T.

- Buộc chị Chu Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đỗ Thị Minh T tổng số tiền 70.725.000đồng (*Bẩy mươi triệu bẩy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*), trong đó bao gồm 60.000.000đồng tiền gốc và 10.725.000đồng tiền lãi tính đến ngày 25/9/2020.

- Buộc chị Chu Thị T phải chịu chi phí giám định và hoàn trả cho bà Đỗ Thị Minh T số tiền 3.660.000 đồng *(Ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Chu Thị T phải nộp 3.719.250đồng *(Ba triệu bẩy trăm mười chín nghìn hai trăm năm mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Đỗ Thị Minh T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Đỗ Thị Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.725.000 đồng *(Một triệu bẩy trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/ 0000420 ngày 01/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang.

Các đương sự: Bà Đỗ Thị Minh T và chị Chu Thị T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7[a] và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Thu Thuỷ